FireAnt

CTCP Cảng Nghệ Tĩnh (HNX: NAP)

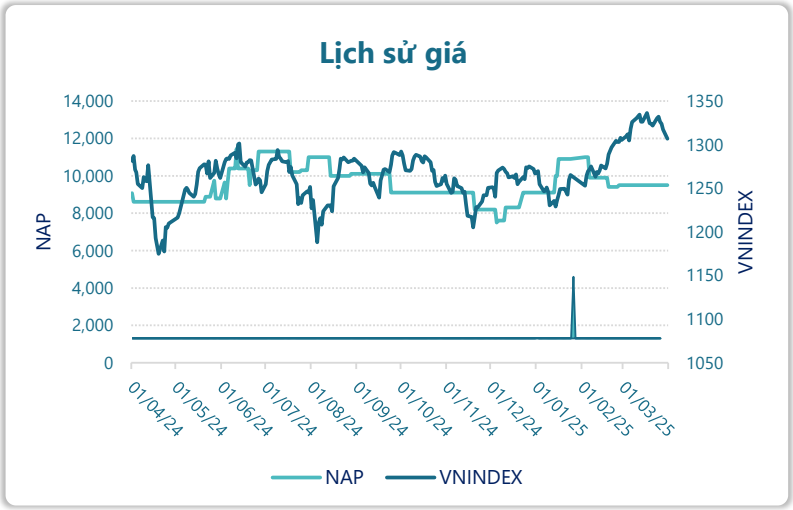

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,440
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,500
SL cổ phiếu LH	21,517,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	204
P/E	14.1
EPS	674

DT thuần

Q1/25

59.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.8| 32.7%

YoY: ▼5.90| -9.0%

LN sau thuế

Q1/25

4.26

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.42| 10.9%

YoY: ▼2.45| -36.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.5%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2024

208

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0| -12.3%

LN sau thuế

2024

16.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.50| -20.9%

ROE

2024

7.0%

+/- YoY: ▼ 2.0%

Kết quả kinh doanh

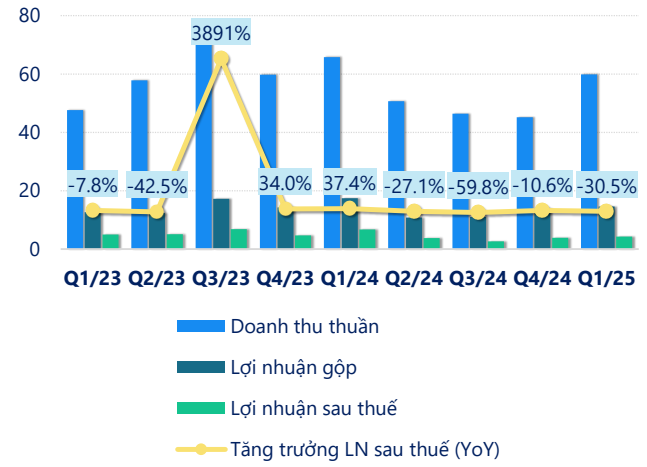

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

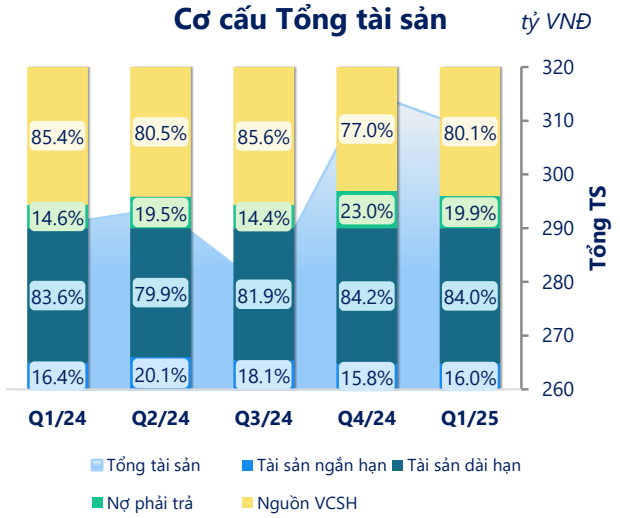

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

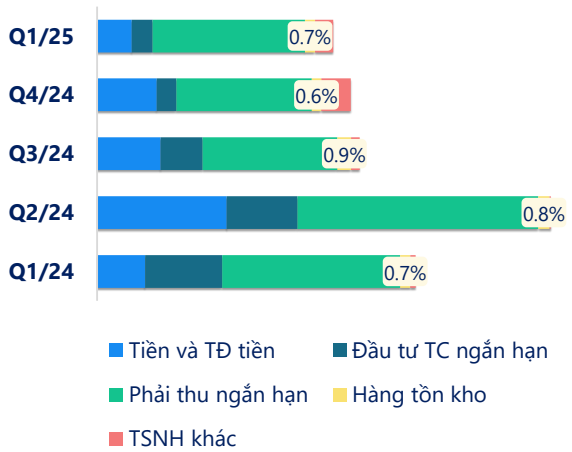

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

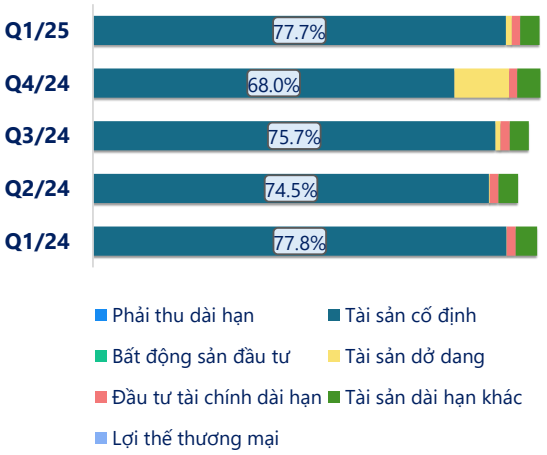

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

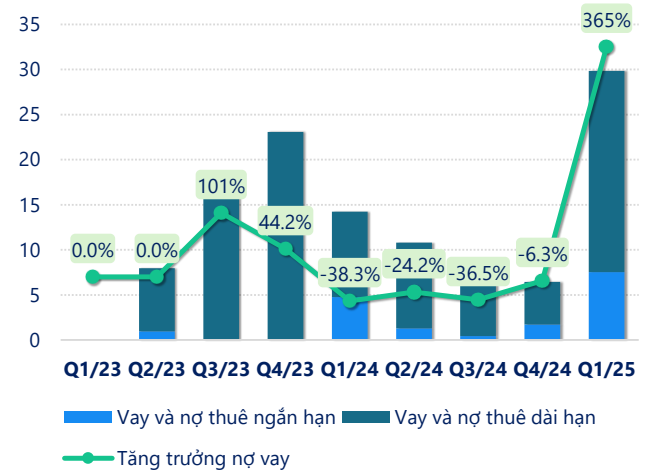

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

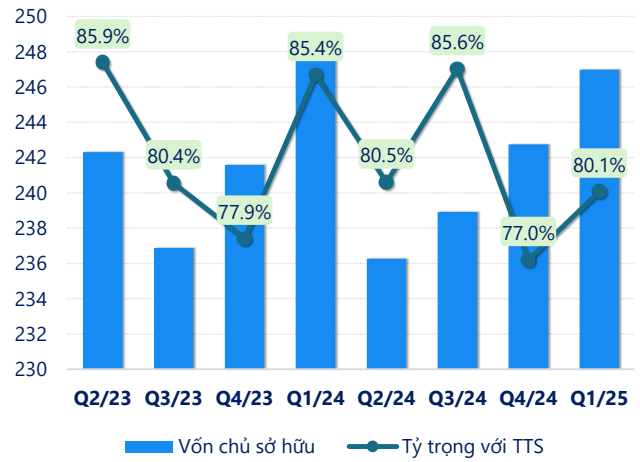

(Nguồn: fireant.vn)

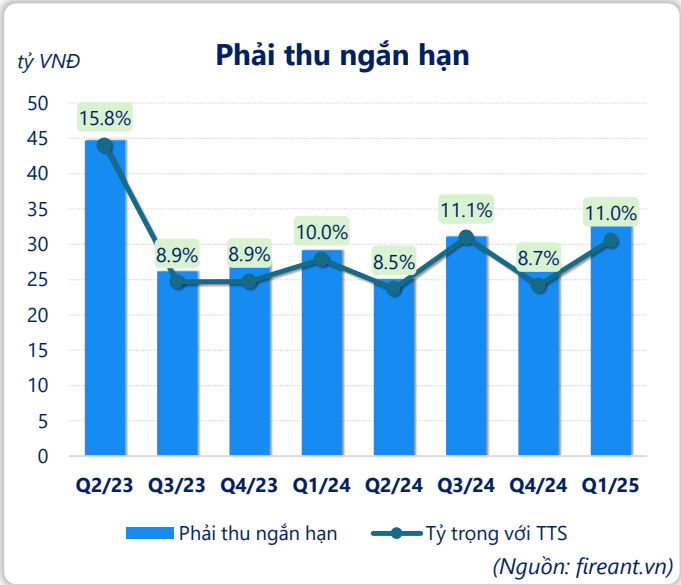
Phải thu ngắn hạn
tỷ VNĐ
50
45
40
35
30
25
20
15
10
5
0
15.8%
8.9%
8.9%
10.0%
8.5%
11.1%
8.7%
11.0%
Q2/23
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Phải thu ngắn hạn
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

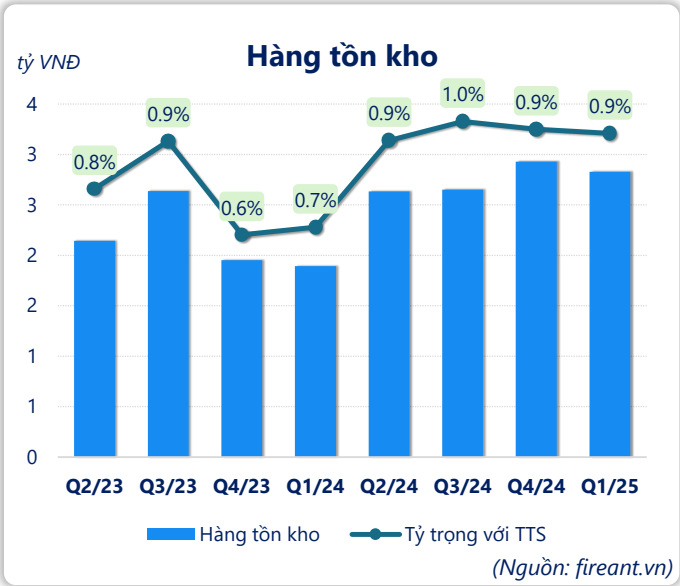
Hàng tồn kho
tỷ VNĐ
4
3
3
2
2
1
1
0
0.8%
0.9%
0.6%
0.7%
0.9%
1.0%
0.9%
0.9%
Q2/23
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Hàng tồn kho
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

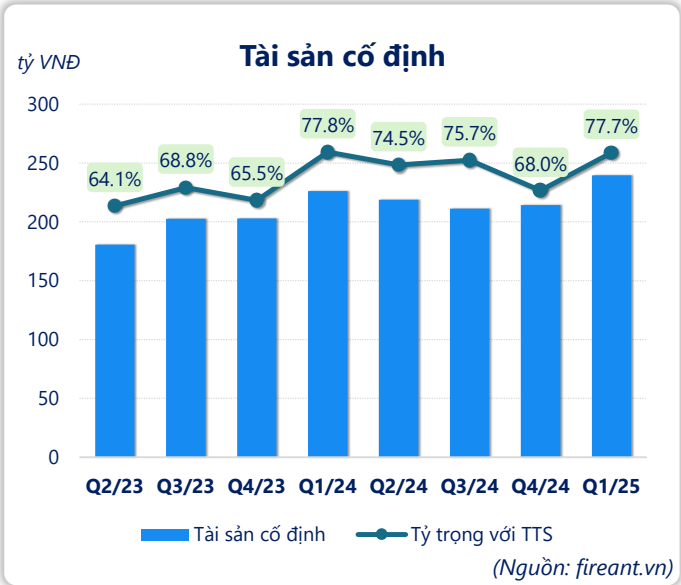
Tài sản cố định
tỷ VNĐ
300
250
200
150
100
50
0
64.1%
68.8%
65.5%
77.8%
74.5%
75.7%
68.0%
77.7%
Q2/23
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Tài sản cố định
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

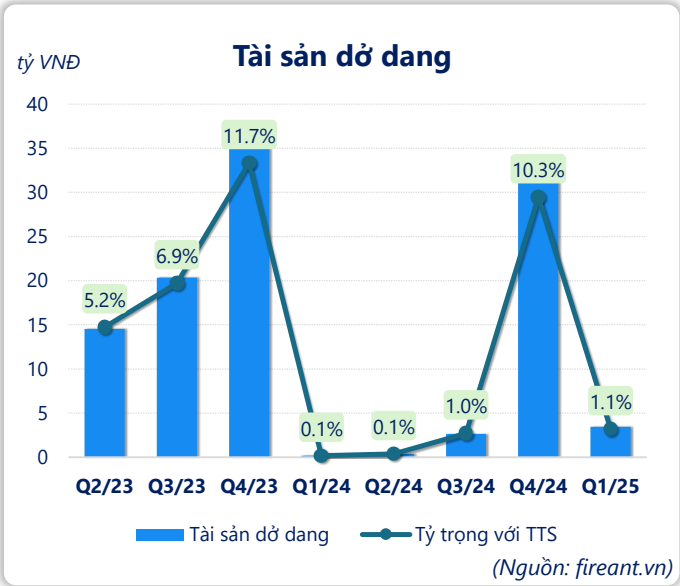
Tài sản dở dang
tỷ VNĐ
40
35
30
25
20
15
10
5
0
5.2%
6.9%
11.7%
0.1%
0.1%
1.0%
10.3%
1.1%
Q2/23
Q3/23
Q4/23
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Tài sản dở dang
Tỷ trọng với TTS
(Nguồn: fireant.vn)

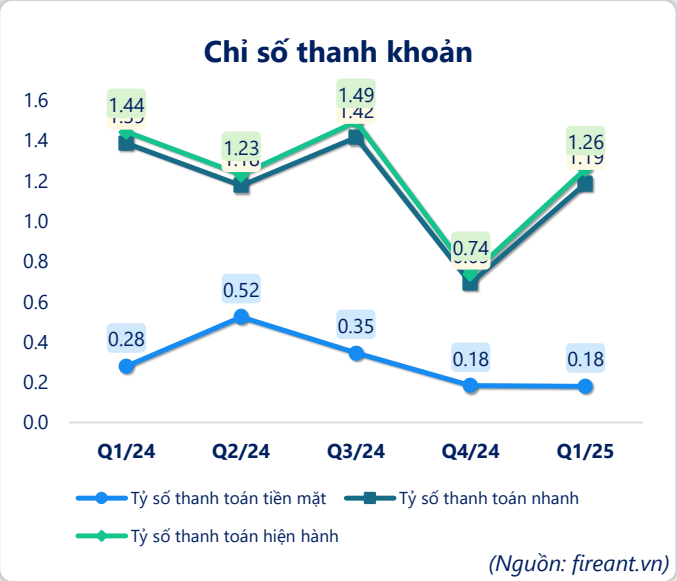
Chỉ số thanh khoản
1.6
1.4
1.2
1.0
0.8
0.6
0.4
0.2
0.0
1.44
1.23
1.49
0.74
1.26
0.28
0.52
0.35
0.18
0.18
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Tỷ số thanh toán tiền mặt
Tỷ số thanh toán nhanh
Tỷ số thanh toán hiện hành
(Nguồn: fireant.vn)

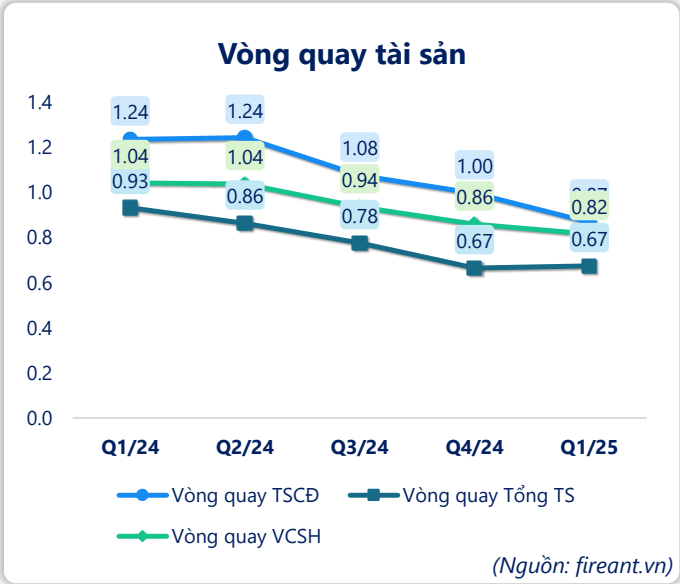
Vòng quay tài sản
1.4
1.2
1.0
0.8
0.6
0.4
0.2
0.0
1.24
1.24
1.08
1.00
0.82
1.04
1.04
0.94
0.86
0.67
0.93
0.86
0.78
0.67
Q1/24
Q2/24
Q3/24
Q4/24
Q1/25
Vòng quay TSCĐ
Vòng quay Tổng TS
Vòng quay VCSH
(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**291**	**294**	**279**	**315**	**308**
Tài sản ngắn hạn	**47.8**	**58.9**	**50.4**	**50.0**	**49.3**
Tiền và tương đương tiền	9.22	25.1	11.7	12.4	7.04
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.00	4.00	4.00	4.00	4.00
Phải thu ngắn hạn	29.2	25.1	31.1	27.4	34.0
Hàng tồn kho	1.89	2.63	2.65	2.93	2.83
Tài sản ngắn hạn khác	3.50	2.15	0.93	3.18	1.50
Tài sản dài hạn	**243**	**235**	**229**	**265**	**259**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	226	219	211	214	240
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.18	0.39	2.65	32.5	3.45
Đầu tư tài chính dài hạn	4.86	4.86	4.86	4.86	4.86
Tài sản dài hạn khác	11.7	10.7	9.88	13.7	11.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**42.6**	**57.3**	**40.1**	**72.7**	**61.5**
Nợ ngắn hạn	**33.1**	**47.8**	**33.7**	**68.0**	**39.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.74	1.29	0.43	1.72	7.53
Phải trả người bán ngắn hạn	2.37	2.68	1.49	38.0	7.79
Nợ dài hạn	9.50	9.50	6.42	4.70	22.3
Vay và nợ thuê dài hạn	9.50	9.50	6.42	4.70	22.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**248**	**236**	**239**	**243**	**247**
Vốn chủ sở hữu	**248**	**236**	**239**	**243**	**247**
Vốn điều lệ	215	215	215	215	215
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)